

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191**  
**Lớp ĐCN 2 K10 Mã lớp học 27,065 Lý thuyết**

Môn học: DMH18 Kỹ thuật nhiệt - lạnh

Giáo viên: Nguyễn Quang Tuấn

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi 25/12/2019

| STT | Mã SV    | Họ và tên             | Ngày sinh  | Điểm                                       | Số tờ | Chữ ký SV     | Ghi chú        |
|-----|----------|-----------------------|------------|--------------------------------------------|-------|---------------|----------------|
| 1   | CD180637 | Mai Trần Xuân Đại     | 29/01/2000 | <u>Thi lại</u>                             |       |               |                |
| 2   | CD180727 | Vũ Thành Đạt          | 11/04/2000 | <u>4</u>                                   |       | <u>Đạt</u>    |                |
| 3   | CD180813 | Ngô Quang Đức         | 08/06/2000 | <u>5</u>                                   |       | <u>Đức</u>    |                |
| 4   | CD180743 | Trần Hiếu Đức         | 24/09/2000 |                                            |       | <u>Đức</u>    | <u>Vắng</u>    |
| 5   | CD180448 | Nguyễn Đình Dương     | 26/11/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Dương</u>  |                |
| 6   | CD180901 | Ninh Trịnh Bình Dương | 27/10/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Dương</u>  |                |
| 7   | CD181179 | Đoàn Hồng Hải         | 27/05/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Hải</u>    |                |
| 8   | CD180344 | Đào Trọng Hoàng       | 29/03/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Hoàng</u>  |                |
| 9   | CD180585 | Hà Xuân Hùng          | 22/04/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Hùng</u>   |                |
| 10  | CD180335 | Nguyễn Việt Hưng      | 10/11/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Hưng</u>   |                |
| 11  | CD180457 | Phạm Thị Mai Hương    | 23/05/2000 | Không được thi do không hoàn thành học phí |       |               |                |
| 12  | CD180588 | Vũ Đức Huy            | 02/07/2000 | <u>8</u>                                   |       | <u>Huy</u>    |                |
| 13  | CD180345 | Nguyễn Sỹ Khá         | 14/11/2000 | Không được thi do không hoàn thành học phí |       |               |                |
| 14  | CD180444 | Phan Văn Khải         | 12/01/2000 | <u>Thi lại</u>                             |       |               | <u>Học lại</u> |
| 15  | CD180866 | Vũ Văn Khánh          | 01/09/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Khánh</u>  |                |
| 16  | CD180470 | Bùi Xuân Kiên         | 11/10/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Kiên</u>   |                |
| 17  | CD181099 | Trần Quang Linh       | 28/10/1999 | <u>7</u>                                   |       | <u>Linh</u>   |                |
| 18  | CD180682 | Nguyễn Thành Long     | 18/09/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Long</u>   |                |
| 19  | CD180651 | Nguyễn Trí Long       | 20/04/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Long</u>   |                |
| 20  | CD180806 | Bùi Mạnh Luân         | 03/02/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Luân</u>   |                |
| 21  | CD180319 | Nguyễn Việt Mạnh      | 10/08/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Mạnh</u>   |                |
| 22  | CD180367 | Nguyễn Đắc Nam        | 09/05/1996 | <u>8</u>                                   |       | <u>Nam</u>    |                |
| 23  | CD180852 | Nguyễn Tiến Hoài Nam  | 09/12/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Nam</u>    |                |
| 24  | CD180772 | Đào Hữu Phúc          | 21/05/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Phúc</u>   |                |
| 25  | CD181125 | Đặng Thanh Phương     | 10/12/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Phương</u> |                |
| 26  | CD180330 | Trần Quyết            | 19/03/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Quyết</u>  |                |
| 27  | CD180779 | Đàm Trần Sinh         | 14/02/2000 | <u>6</u>                                   |       | <u>Sinh</u>   |                |
| 28  | CD180961 | Nguyễn Công Sinh      | 25/09/1998 | <u>7</u>                                   |       | <u>Sinh</u>   |                |
| 29  | CD180820 | Hoàng Trường Sơn      | 19/07/2000 | <u>7</u>                                   |       | <u>Sơn</u>    |                |
| 30  | CD180561 | Lê Văn Sơn            | 07/07/1999 | <u>7</u>                                   |       | <u>Sơn</u>    |                |
| 31  | CD181005 | Chu Đình Thắng        | 04/04/2000 | <u>Thi lại</u>                             |       |               |                |
| 32  | CD181114 | Nguyễn Trọng Thắng    | 28/06/2000 | <u>4</u>                                   |       | <u>Thắng</u>  |                |
| 33  | CD170829 | Đinh Văn Thảo         | 25/04/1999 | <u>5</u>                                   |       | <u>Thảo</u>   |                |
| 34  | CD180888 | Nguyễn Xuân Thảo      | 29/10/1999 | <u>6</u>                                   |       | <u>Thảo</u>   |                |
| 35  | CD180598 | Mạc Phúc Thọ          | 09/09/1999 | <u>Thi lại</u>                             |       |               |                |

| STT | Mã SV    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Điểm                                       | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|------------|--------------------------------------------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD180575 | Kiều Xuân Tiến     | 23/02/2000 | 7                                          |       | Tiến      |         |
| 37  | CD180613 | Hoàng Mạnh Toàn    | 28/12/2000 | 6                                          |       | Toàn      |         |
| 38  | CD180342 | Nguyễn Mạnh Toàn   | 02/02/2000 | Thi lại                                    |       |           |         |
| 39  | CD181050 | Phan Huy Toàn      | 27/11/2000 | 5                                          |       | Toàn      |         |
| 40  | CD180376 | Nguyễn Đăng Trường | 06/09/1999 | 9                                          |       | Trường    |         |
| 41  | CD180576 | Ngô Đức Tuấn       | 01/01/2000 | Không được thi do không hoàn thành học phí |       |           |         |
| 42  | CD180596 | Nguyễn Đức Tuấn    | 30/10/2000 | 10                                         |       | Tuấn      |         |
| 43  | CD181082 | Phạm Đức Tuấn      | 02/08/2000 | 7                                          |       | Tuấn      |         |
| 44  | CD180418 | Nguyễn Thanh Tùng  | 27/06/2000 | 6                                          |       | Tùng      |         |
| 45  | CD180655 | Phạm Duy Tùng      | 29/12/2000 | 5                                          |       | Tùng      |         |
| 46  | CD180761 | Trần Anh Vũ        | 01/07/2000 | 7                                          |       | Vũ        |         |
| 47  | CD180577 | Nguyễn Thanh Xuân  | 23/04/2000 | Thi lại                                    |       |           |         |

Tổng số sinh viên dự thi: 37  
Số sinh viên đạt: 35

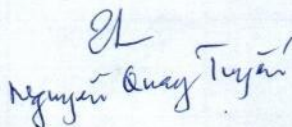
Tổng số tờ giấy thi: 37  
Ngày giáo viên nộp điểm:  
Hạn cuối nộp điểm:

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**



CÁN BỘ COI THI 1

**TRƯỞNG KHOA**



CÁN BỘ COI THI 2

